

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm và kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2022

Căn cứ Thông báo số 421-TB/HU ngày 16/6/2022 của Huyện ủy Đồng Phú kết luận tại cuộc họp Thường trực Huyện ủy lần thứ 17/2022 (sáng ngày 15/6/2022).

Căn cứ Thông báo số 426-TB/HU ngày 24/6/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Phú kết luận tại cuộc họp Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 68/2022 (sáng ngày 23/6/2022);

Trên cơ sở kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022, UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm và kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2022, cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2022

1. Kế hoạch vốn năm 2022: 483,329 tỷ đồng.

- Vốn tỉnh quản lý: 258,991 tỷ đồng.
- Vốn huyện quản lý: 225,380 tỷ đồng.

2. Kết quả thực hiện đến ngày 15/6/2022:

Kế hoạch vốn giao năm 2022 là: 483,329 tỷ đồng, kết quả giải ngân: 102,119 tỷ đồng, đạt 21,1% KHV, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh:** 68,962/258,991 tỷ đồng, đạt 26,6% KHV.
- Vốn ngân sách huyện quản lý:** 33,157/224,338 tỷ đồng, đạt 14,8% KHV, trong đó:
 - **Vốn tỉnh phân cấp theo định mức:** 9,112/31,5 tỷ đồng, đạt 28,9% KHV.
 - **Vốn tiền sử dụng đất:** 17,336/152,880 tỷ đồng, đạt 11,3 % KHV. Bao gồm:
 - + **Tỉnh phân cấp:** 12,766/121,520 tỷ đồng, đạt 10,5% KHV.
 - + **Huyện giao:** 4,569/31,360 tỷ đồng, đạt 14,6 % KHV.
 - **Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng 30 phòng học:** 6,710/21,0 tỷ đồng, đạt 32,0% KHV.
 - **Vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao xã Thuận Phú:** 0/9,0 tỷ đồng;
 - **Vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng:** 0/9,958 tỷ đồng;

(Biểu số 01)

3. Đánh giá chung:

- Dưới sự chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, Thường trực UBND huyện, kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chuẩn bị đầu tư các dự án, tuy nhiên đến nay các dự án triển khai thi công chậm, không có khối lượng giải ngân

vốn. Đến thời điểm hiện nay tỷ lệ giải ngân đạt **21,1%** trên tổng kế hoạch vốn giao, nguyên nhân:

* Nguyên nhân khách quan:

- Đối với các dự án năm 2021 chuyển tiếp năm 2022: Đầu nhiệm kỳ 2020-2025 để tạo bước đột phá về hạ tầng kỹ thuật nhằm khai thác hết lợi thế về đất đai; UBND huyện đã báo cáo đề xuất Tỉnh ủy, UBND tỉnh bố trí vốn để thực hiện 5 tuyến đường kết nối với Khu Công nghiệp và Dân cư Đồng Phú và khu quy hoạch Nam Đồng Phú mở rộng, đây là các dự án giao thông lớn nhất từ trước đến nay do huyện làm chủ đầu tư, bên cạnh đó do nguồn ngân sách không đảm bảo cho công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng huyện đã xin chủ trương thực hiện công tác vận động nhân dân hưởng lợi trực tiếp từ các dự án hiến đất, chi bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp ít hưởng lợi, kết quả đã vận động nhân dân hiến 106,35 ha đất, tổng giá trị quy ra tiền khoảng 319,05 tỷ đồng (tính bình quân theo giá thị trường 3 tỷ đồng/1ha). Tuy nhiên, hiện còn một số hộ dân mặc dù các cấp, các ngành huyện đã vận động nhiều lần nhưng vẫn chưa thống nhất hiến đất dẫn đến chậm giải phóng mặt bằng, chậm tiến độ thi công và chậm giải ngân vốn. Ngoài ra một số tuyến đường BTXM cơ chế đặc thù chưa được UBND tỉnh hỗ trợ xi măng để hoàn thành thi công phần mặt đường.

- Đối với các dự án khởi công mới năm 2022:

+ Các tháng đầu năm 2022 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và tình hình bất ổn chính trị trên thế giới, giá nhiên liệu xăng dầu đầu năm 2022 tăng cao, dẫn đến giá cả các mặt hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu xây dựng tăng cao, nhất là vật liệu sắt thép, tăng từ 3 đến 4,7% so với tháng 11/2021. Hầu hết dự phòng phí các công trình không đảm bảo điều chỉnh cập nhật giá dự toán sát với thị trường tại thời điểm chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ Các dự án phải thiết kế 02 bước, trong đó gói thầu thiết kế bản vẽ thi công – dự toán có giá trị trên 500 triệu đồng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu là tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước và thực hiện theo phương thức “ 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ”, vì vậy thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu mất nhiều thời gian.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác chuẩn bị hồ sơ của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư chưa đảm bảo thời gian theo quy định.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn đôi khi chưa có sự gắn kết chặt chẽ, đã ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thiện các thủ tục của dự án.

II. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2022:

1. Kế hoạch vốn giao đầu năm 2022 là: 225,380 tỷ đồng (1).

2. Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung 6 tháng cuối năm 2022:

(1) Tổng 225,380 tỷ đồng, trong đó: Nguồn vốn phân cấp 31,5 tỷ đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp 152,880 tỷ đồng (Vốn tỉnh phân cấp 121,520 tỷ đồng; huyện thu tiền sử dụng đất 31,360 tỷ đồng); vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học: 21,0 tỷ đồng; vốn tỉnh hỗ trợ BTXM: 14,0 tỷ đồng; vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao xã Thuận Phú: 6,0 tỷ đồng.

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2022 là **330,067** tỷ đồng, tăng 104,687 tỷ đồng so với kế hoạch vốn giao tại Quyết định số 10202/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện, nguyên nhân:

- Nguồn kết dư năm 2021: **105,337** tỷ đồng, gồm:

+ Kết dư XDCB năm 2021: **35,622** tỷ đồng (trong đó: Dự kiến phân bổ: 35,466 tỷ đồng; Nguồn kết dư chương trình mục tiêu: 0,156 tỷ đồng nộp trả NS tỉnh).

+ Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2021: **69,715** tỷ đồng.

- Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022: **0,392** tỷ đồng.

- Nguồn chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đầu năm 2021 huyện dự kiến tỉnh hỗ trợ: 20,0 tỷ đồng, tỉnh giao: 18,958 tỷ đồng, chênh lệch giảm: - **1,042** tỷ đồng, cụ thể:

+ Dự kiến nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM: 14,0 tỷ đồng, UBND tỉnh giao: 9,958 tỷ đồng, giảm 4,042 tỷ đồng.

+ Dự kiến nguồn Chương trình MTQG NTN nâng cao xã Thuận Phú: 6,0 tỷ đồng, UBND tỉnh giao: 9,0 tỷ đồng, tăng: 3,0 tỷ đồng.

(Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 27/2/2022 của UBND tỉnh)

3. Phương án phân bổ kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung 6 tháng cuối năm 2022 là: 330,067 tỷ đồng (Biểu số 02 và các Phụ lục 1,2,3 chi tiết), trong đó:

3.1. Bố trí các công trình, dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020: 27,4 tỷ đồng.

- Bố trí các dự án chuyển tiếp: 23,200 tỷ đồng (Phụ lục 01).

- Bố trí các dự án hoàn thành còn thiếu vốn: 4,044 tỷ đồng (Phụ lục 02).

- Chưa phân bổ chi tiết: 0,156 tỷ đồng (Kết dư CTMT nộp trả tỉnh theo quy định).

3.2. Bố trí danh mục chuyển tiếp năm 2021 sang năm 2022: 38,078 tỷ đồng (Phụ lục 03).

3.3. Bố trí vốn theo cơ cấu: 1,5 tỷ đồng, trong đó:

- Tất toán các công trình quyết toán: 0,5 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 1,0 tỷ đồng.

3.4. Khởi công mới năm 2022: 232,689 tỷ đồng (Biểu số 02), trong đó:

- Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện: 5,337 tỷ đồng.

- Đầu tư thị trấn Tân Phú đạt tiêu chí đô thị loại IV, Tân Lập lên đô thị loại V: 19,9 tỷ đồng.

- Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 157,742 tỷ đồng.

- Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: 43,240 tỷ đồng.

- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch: 6,470 tỷ đồng.

3.5. Danh mục khởi công mới 6 tháng cuối năm 2022: 30,4 tỷ đồng (Biểu số 02).



4. Nguồn vốn tỉnh quản lý:

- Kế hoạch vốn 6 tháng đầu năm 2022 UBND tỉnh giao UBND huyện làm chủ đầu tư 07 công trình, với số vốn **258,991** tỷ đồng.

- Kế hoạch vốn điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2022: **218,991** tỷ đồng, giảm 40,0 tỷ đồng (Theo Tờ trình số 136/TT-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh).

(Biểu số 03)

5. Kế hoạch vốn XDCB năm 2021 kéo dài sang 2022 là: 33,887 tỷ đồng, trong đó: Kế hoạch vốn tỉnh: 1,368 tỷ đồng; Vốn ngân sách huyện: 32,519 tỷ đồng.

(Biểu số 04)

III. Giải pháp:

Nhằm đảm bảo công tác giải ngân vốn đầu tư công, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế năm 2022 địa phương, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, cụ thể như sau:

1. Đối với chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư.

- Tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động người dân hiến đất, cây trồng, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các dự án chuyên tiếp năm 2021 sang năm 2022.

- Ưu tiên sử dụng các loại vật liệu xây dựng khai thác ở địa phương đã được kiểm định đạt chất lượng theo tiêu chuẩn hiện hành nhằm giảm bớt cước phí vận chuyển.

- Đối với các dự án đang tổ chức lựa chọn nhà thầu, các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành các bước tiếp theo và đảm bảo khởi công sớm thi công công trình.

- Đối với các dự án đã triển khai thi công, đẩy nhanh tiến độ thi công theo đúng hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu. Chủ đầu tư thường xuyên rà soát tiến độ giải ngân của các dự án, giải ngân vốn theo tiến độ hợp đồng.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân vốn đầu tư công, đây là một trong tiêu chí quan trọng để đánh giá kết quả nhiệm vụ cuối năm.

2. Đối với cơ quan chuyên môn huyện

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư trong công tác giải ngân vốn, trường hợp phát hiện tiêu cực trong công tác giải ngân; tham mưu cắt giảm, chuyển nguồn vốn các công trình có tiến độ thi công, giải ngân chậm bố trí cho các công trình có tiến độ thi công, giải ngân nhanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra nghiệm thu, trường hợp phát hiện các nhà thầu không lập bảng tiến độ thi công, thi công không đúng tiến độ hợp đồng đã ký kết, tham mưu UBND huyện xử phạt theo quy định.

- Ghi nhận kết quả giải ngân của các chủ đầu tư, làm cơ sở nhận xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm.

3. Công tác phối hợp với các Sở ngành:

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh kiến nghị UBND tỉnh hỗ trợ

xi măng các công trình xây dựng đường BTXM cơ chế đặc thù năm 2022.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng cơ bản 6 tháng đầu năm và kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2022, UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, KH và ĐT;
- TT.Huyện ủy, TT.HĐND huyện;
- UBNDTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT. *Q*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số *105* /BC-UBND ngày *06* / *7* /2022 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022	Giải ngân đến ngày 15/6/2022	Tỷ lệ giải ngân đạt (%)	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4/3</i>	<i>6=3-4</i>	<i>7</i>
	TỔNG CỘNG	483.329	102.119	21,1	381.210	
1	Vốn ngân sách tỉnh quản lý	258.991	68.962	26,6	190.029	QĐ 3284
2	Vốn ngân sách huyện quản lý	224.338	33.157	14,8	191.181	
2.1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	31.500	9.112	28,9	22.388	QĐ 3284
2.2	Nguồn tiền sử dụng đất	152.880	17.336	11,3	135.545	
	- Tỉnh phân cấp	121.520	12.766	10,5	108.754	QĐ 3284
	- Huyện giao tăng thu	31.360	4.569	14,6	26.791	
2.3	Nguồn tỉnh hỗ trợ xây dựng 30 phòng học	21.000	6.710	32,0	14.290	QĐ 3284
2.4	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao xã Thuận Phú	9.000	0	0,0	9.000	QĐ 215
2.5	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng năm 2022 (40km)	9.958	0	0,0	9.958	QĐ 215

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC, KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn đã giao					Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh								Ghi chú	
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn tinh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tính hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn kết dư XDCB năm 2021, Nguồn tăng thu tiền SDD		
								Nguồn tinh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu						Nguồn tinh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu						
1	2	3	4	5=6+7+10+11+12	6	7=9+10	8	9	10	11	12=13+14+17+...20	13	14=15+16	15	16	17	18	19	20	21		
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)			360.821	205.380	31.500	152.880	121.520	31.360	21.000	33.157	330.067	31.500	153.272	117.600	35.672	21.000	9.958	9.000	105.337		
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020											27.400	0	0	0	0	0	0	0	27.400		
I	Bổ trí các dự án chuyển tiếp			0	0	0	0	0	0	0		23.200	0	0	0	0	0	0	0	23.200	Phụ lục 01	
II	Bổ trí các dự án hoàn thành còn thiếu vốn			0	0	0	0	0	0	0		4.044	0	0	0	0	0	0	0	4.044	Phụ lục 02	
III	Chưa phân bổ chi tiết			0	0	0	0	0	0	0		156	0	0	0	0	0	0	0	156	Kết dư CTMT tính	
B	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP 2021			46.442	46.442	30.000	16.442	16.442	0	0	9.112	38.078	21.330	16.748	16.748	0	0	0	0	0	0	Phụ lục 03
C	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã Quyết toán			500	500	500	0	0	0	0		500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	UBND huyện phân bổ chi tiết để tất toán các công trình
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư 2023			1.000	1.000	1.000	0	0	0	0		1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	
D	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI ĐẦU NĂM 2022			272.179	157.438	0	136.438	105.078	31.360	21.000	24.046	232.689	8.670	136.524	100.852	35.672	21.000	9.958	4.200	52.337		
I	Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện			6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0	0	5.337	1.137	4.200	4.200	0	0	0	0	0	0	
I	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCD huyện	4538/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0		5.337	1.137	4.200	4.200	0	0	0	0	0	0	
II	Đầu tư TT Tân Phú lên đô thị loại IV; xã Tân lập lên đô thị loại V			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	73,0	19.900	3.400	16.500	16.500	0	0	0	0	0	0	
	Lĩnh vực giao thông			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	73,0	19.900	3.400	16.500	16.500	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSD từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCD huyện	10008/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0		5.900	1.700	4.200	4.200	0	0	0	0	0	0	
2	Xây dựng đường Tô 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	10009/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.200	1.800	0	1.800	1.800	0	0		2.100	300	1.800	1.800	0	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCD huyện	10010/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.500	4.000	0	4.000	4.000	0	0		5.400	1.400	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	
4	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	10011/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.500	2.500	0	2.500	2.500	0	0	73,0	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	0	0	0	
5	Xây dựng chính trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	Ban QLCD huyện	10012/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.000	4.000	0	4.000	4.000	0	0		4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	0	0	0	
III	Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			192.279	92.238	0	92.238	60.878	31.360	0	8.064	157.742	2.022	92.372	56.700	35.672	0	9.958	4.200	49.190		
a	Lĩnh vực giao thông			184.329	90.738	0	90.738	59.378	31.360	0	7.418	151.612	2.022	90.872	55.200	35.672	0	9.958	0	48.760		
1	Xây dựng đường DH Thuận Phú - Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	10013/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	23.500	18.000	0	18.000	18.000	0	0	278	18.392	0	18.392	14.080	4.312	0	0	0	0	0	
2	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCD huyện	10014/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	800	800	0	800	800	0	0	28	770	0	770	770	0	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	10015/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200	1.000	0	1.000	1.000	0	0		1.000	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	10016/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.200	5.000	0	5.000	5.000	0	0	1.680	5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	



Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn đã giao					Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh								Ghi chú		
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn kết dư XDCB năm 2021, Nguồn tăng thu tiền SDD			
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu						Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu							
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các trường: TH Tân Phú, TH Tân Lập, TH và THCS Tân Hưng, TH và THCS Thuận Lợi và Phòng tin học TH và THCS Tân Phước)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng (có quan thường trực Hội đồng KHCN huyện)	9916/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	3.800	3.500	0	3.500	3.500	0	0	3.417	3.800	0	3.800	3.800	0	0	0	0	0	0	0	
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch			8.300	6.000	0	6.000	6.000	0	0	456	6.470	0	5.652	5.652	0	0	0	0	0	0	818	
1	Lát gạch vỉa hè các tuyến đường khu TTMM huyện	Ban QLCDTA huyện	9855/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	3.300	2.500	0	2.500	2.500	0	0	456	3.270	0	2.452	2.452	0	0	0	0	0	0	818	
2	Cắm mốc theo quy hoạch đã được duyệt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	59/NQ-HĐND ngày 16/12/2021	5.000	3.500	0	3.500	3.500	0	0	0	3.200	0	3.200	3.200	0	0	0	0	0	0	0	
E	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022			40.700	0	0	0	0	0	0	0	30.400	0	0	0	0	0	0	0	4.800	25.600		
1	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè các tuyến đường QH khu Hoa viên Tượng Đài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDTA huyện		7.000	0	0	0	0	0	0		5.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.600	Đã có trong Trung hạn 2021-2025
2	Xây dựng mới hàng rào điểm 3 Trường TH Tân Phú	Ban QLCDTA huyện		700	0	0	0	0	0	0		700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	Bổ sung mới năm 2022
3	Xây dựng hàng rào, nhà xe điểm chính Trường TH và THCS Tân Phước	Ban QLCDTA huyện		1.800	0	0	0	0	0	0		1.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	Bổ sung mới năm 2022
4	Xây dựng vỉa hè, cây xanh tuyến đường Phú Riêng Đò đến Phạm Ngọc Thạch và vỉa hè, hệ thống thoát nước các tuyến đường khu dân cư tập trung, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDTA huyện		9.000	0	0	0	0	0	0		7.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.200	Bổ sung mới năm 2022
5	Xây dựng vỉa hè và thảm bê tông nhựa các tuyến đường Khu hoa viên Tượng đài	Ban QLCDTA huyện		7.400	0	0	0	0	0	0		7.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.400	Bổ sung mới năm 2022
6	Lập quy hoạch chung xã Tân Hòa theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng KTHH		3.000	0	0	0	0	0	0		900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	900	Bổ sung mới (theo kết luận của Tỉnh ủy về đề án phát triển đô thị huyện)
7	Đầu tư thiết bị phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, địa phương thông minh giai đoạn 2022-2025	Phòng VHHT		7.000	0	0	0	0	0	0		2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	Bổ sung mới năm 2022 (Phần bổ khi có danh mục chi tiết)
8	Xây dựng đường nhựa tổ 5, ấp Bù Xăng, từ nhà ông Lê Bá Huân đến nhà ông Hứa Văn Rin	UBND xã Thuận Phú		3.000	0	0	0	0	0	0		3.000	0	0	0	0	0	0	0	3.000	0	0	Bổ sung mới năm 2022 (TBKL.207-KL/HU; NTM nâng cao xã Thuận Phú)
9	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Phú và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Thuận Phú		1.200	0	0	0	0	0	0		1.200	0	0	0	0	0	0	0	1.200	0	0	Bổ sung mới năm 2022 thay thế và điều chỉnh nguồn vốn danh mục Xây dựng chính trang khuôn viên khu Tượng đài Thuận Phú
10	Xây dựng Cổng, hàng rào, sân bê tông Nhà văn hóa ấp Thuận Phú 1	UBND xã Thuận Phú		600	0	0	0	0	0	0		600	0	0	0	0	0	0	0	600	0	0	

**DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 CHUYỂN TIẾP
SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số 25 /BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn được kéo dài sang năm 2021			Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất	Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG	168.659	55.059	2.606	52.454	31.859	0	31.859	23.200	
1	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48Km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48Km, lộ giới 32m	26.125	7.528		7.528	81		81	7.446	
2	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8Km, lộ giới 65m	40.366	13.421		13.421	5.870		5.870	7.551	
3	Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200). Quy mô: Chiều dài tuyến 6,1/9,5Km, lộ giới 42m	46.152	9.208		9.208	6.706		6.706	2.502	

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn được kéo dài sang năm 2021			Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất	Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11
4	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km60+750), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5Km, lộ giới 42m	29.786	18.848		18.848	16.483		16.483	2.365	
5	Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới: 42m	7.571	730		730	0		0	730	
6	Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	3.529	2.606	2.606		0	0	0	2.606	



DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ NĂM 2021 CÒN THIẾU VỐN
(Kèm theo Báo cáo số 215 /BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	4.043,54	4.043,54	
A	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH CÒN THIẾU VỐN	988,43	988,43	
1	Nâng cấp đường GTNT từ cầu Tổ 4 đến ngã ba ông Ninh ấp Thuận Tân, xã Thuận Lợi	14,00	14,00	
2	Xây dựng công, hàng rào và sửa chữa nhà thi đấu khu Trung tâm Văn hóa thể thao huyện	77,00	77,00	
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	44,00	44,00	
4	Xây dựng 14 phòng học lầu Trường Mầm non Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	92,00	92,00	
5	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Tân Phú	13,77	13,77	
6	Xây dựng các hạng mục phụ trợ và mua sắm trang thiết bị để Trường Mầm non Đồng Tiến đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1	17,00	17,00	
7	Xây dựng đường GTNT Đội 5, ấp 2 xã Đồng Tâm	25,66	25,66	
8	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quân Đoàn 4 đi cầu Hai Phước ấp 2, xã Đồng Tâm	29,00	29,00	
9	Duy tu, sửa chữa đường GTNT từ nhà ông Mạc đi Suối Thác ấp 3, xã Đồng Tâm	14,00	14,00	
10	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	11,00	11,00	
11	Xây dựng trụ sở làm việc xã đội xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	11,00	11,00	
12	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến	42,00	42,00	
13	Nâng cấp lát nhựa đường GTNT liên ấp Thuận Hòa 1 đi Thuận An, xã Thuận Lợi	29,00	29,00	
14	Nâng cấp lát nhựa đường GTNT từ ngã ba Đồi Mù đi cầu Suối Băng ấp 2, xã Đồng Tiến	12,00	12,00	
15	Xây dựng đường N1, D4 khu TTHC xã Đồng Tâm	14,00	14,00	
16	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quốc Tế đến đường 312, ấp 3, xã Đồng Tâm	22,00	22,00	
17	Xây dựng Trường Mầm non Đồng Tâm (đạt chuẩn Nông thôn mới)	154,00	154,00	
18	Xây dựng Trường Mầm non Thuận Lợi đạt chuẩn nông thôn mới	18,00	18,00	
19	Xây dựng Trường TH và THCS Đồng Tâm đạt chuẩn nông thôn mới	41,00	41,00	



Số TT	Nội dung	Khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
20	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	20,00	20,00	
21	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân Phú	243,00	243,00	
22	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	33,00	33,00	
23	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	12,00	12,00	
B	DỰ ÁN NĂM 2021 BỔ TRÍ LẠI	3.019,00	3.019,00	
24	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hồ ấp Đồng Bia	774,00	774,00	
25	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Bia	18,00	18,00	
26	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà ông Đạt ấp Đồng Bia	911,00	911,00	
27	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đội 3, ấp Suối Nhung	490,00	490,00	
28	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mưu ấp Cây Cày	336,00	336,00	
29	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Việt Thanh ấp Suối Nhung	490,00	490,00	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 135	36,11	36,11	
1	XD đường từ nhà ông Thánh đến nhà bà Hạnh ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi	1,48	1,48	CP Xây lắp
2	Xây dựng đập tràn vào khu đất 100ha, đội 4, ấp 1, xã Đồng Tâm	0,45	0,45	CP Thăm tra TK BV TC
3	Nâng cấp đường vào khu đất 100 ha, xã Đồng Tâm	0,94	0,94	CP Thăm tra QT
4	XD đường vào Trạm Y tế xã Đồng Tâm	2,81	2,81	-nt-
5	XD đường nối tiếp từ ngã ba ấp Đồng Bia đi ấp Thạch Màng	8,98	8,98	-nt-
6	Xây dựng đường nội vùng khu đất sản xuất Chương trình 33, 134, 1592 thuộc ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	17,78	17,78	-nt-
7	Kéo điện từ ngã ba cầu Năm Tấn đến Nhà ông Hư Văn Mưu đội 5, ấp 1, xã Đồng Tâm	1,09	1,09	-nt-
8	Kéo điện tuyến nhà bà Nhung đội 4, ấp 2, xã Đồng Tâm	1,25	1,25	-nt-
9	Kéo điện tuyến nhà bà Hồng đến nhà bà Mỹ đội 1, ấp 3, xã Đồng Tâm	1,32	1,32	-nt-

DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bộ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	1	2	3					7=8+9	8	9	10	11
	DANH MỤC KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2021		131.714	46.442	30.000	16.442	9.112	38.078	21.330	16.748		
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV		50.064	14.945	0	14.945	0	15.334	0	15.334		
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		50.064	14.945	0	14.945	0	15.334	0	15.334		
1	Xây dựng đường Tô 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Đò (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	1.800	174	0	174		180	0	180	4533/QĐ-UBND 30/12/2020	
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	8.400	3.677	0	3.677		3.880	0	3.880	4534/QĐ-UBND 30/12/2020	
5	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	5.000	960	0	960		1.000	0	1.000	4537/QĐ-UBND 30/12/2020	
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCD huyện	4.864	864	0	864		974	0	974	4539/QĐ-UBND 30/12/2020	
8	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	2.500	219	0	219		250	0	250	4541/QĐ-UBND 30/12/2020	
9	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	24.000	8.552	0	8.552		8.552	0	8.552	4543/QĐ-UBND 30/12/2020	
10	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riêng Đò đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	3.500	500	0	500		498	0	498	9135/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V		21.450	14.065	12.869	1.196	0	5.984	4.788	1.196		
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		21.450	14.065	12.869	1.196	0	5.984	4.788	1.196		
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.500	1.500			1.500	1.500		4510/QĐ-UBND 30/12/2020	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500			566	566		8017/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bộ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	1	2	3					7=8+9	8	9	10	11
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	2.000	1.000	1.000			874	874		8018/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	
4	Lập quy hoạch chi tiết khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	Phòng Kinh tế và HT	6.000	5.840	5.840			0	0		4513/QĐ-UBND 30/12/2020	Danh mục đề nghị cắt giảm
5	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	800	400	400			0	0		7691/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	Giảm vốn
6	Điều chỉnh quy hoạch khu hoa viên Quân sự Kiểm lâm	Phòng Kinh tế và HT	200	100	100			94	94		4515/QĐ-UBND 30/12/2020	
7	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500			500	500		4516/QĐ-UBND 30/12/2020	
8	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	450	225	225			196	196		7781/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	
9	Lập quy hoạch chi tiết Khu dân cư ấp Dền Dền, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT	2.200	1.100	1.100			0	0		4519/QĐ-UBND 30/12/2020	Danh mục đề nghị cắt giảm
10	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	700	350	350			111	111		7687/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	
11	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	1.100	550	550			143	143		7686/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	
12	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	2.000	804	1.196		2.000	804	1.196		
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO		9.500	301	0	301	0	218	0	218		
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT		9.500	301	0	301	0	218	0	218		
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	9.500	301		301		218		218	4546/QĐ-UBND 30/12/2020	
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018		25.900	277	277	0	0	150	150	0		
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		22.400	264	264	0	0	138	138	0		
1	Xây dựng 24 phòng học Trường Tiểu học Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	18.300	155	155			138	138		1615/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	
2	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	109	109			0	0		4551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	Giảm vốn
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		3.500	12	12	0	0	12	12	0		

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bộ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	1	2	3					7=8+9	8	9	10	11
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng Kt và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KHCN huyện)	3.500	12	12			12	12		4526/QĐ-UBND 30/12/2020	
V	Danh mục công trình khởi công mới 6 tháng cuối năm 2021		24.800	16.854	16.854	0	9.112	16.392	16.392	0		
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	3.500	2.300	2.300		1.372	2.276	2.276		8076/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
2	Xây dựng 02 phòng học Trường MN Đồng Tâm, xã Đồng Tâm (điểm lẻ)	Ban QLCD huyện	2.400	1.584	1.584		781	1.529	1.529		8075/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	14.800	10.300	10.300		5.711	10.252	10.252		8073/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	2.670	2.670		1.248	2.335	2.335		8074/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	

TỈNH PH

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 15 /BC-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng KHV bố trí 2022	Trong đó		Giải ngân đến ngày 15/6/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi Chú
					Kế hoạch vốn giao đầu năm 2022	KHV Cắt giảm 6 tháng cuối 2022			
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8	9=8/5*100	8
	Tổng cộng (I+II+III)		1.307.000	218.991	258.991	-40.000	68.171	31,1	
I	Danh mục chuyển tiếp		882.000	105.000	145.000	-40.000	66.596	63,4	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất		882.000	105.000	145.000	-40.000	66.596	63,4	
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú (Tuyến 2)	Ban Quản lý các dự án huyện	340.000	30.000	50.000	-20.000	12.000	40,0	Theo TT 136/TT-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm huyện Đồng Phú	Ban Quản lý các dự án huyện	40.000	30.000	30.000	0	14.411	48,0	
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (Tuyến 5)	Ban Quản lý các dự án huyện	130.000	15.000	35.000	-20.000	10.324	68,8	Theo TT 136/TT-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Tuyến 4)	Ban Quản lý các dự án huyện	372.000	30.000	30.000	0	29.861	99,5	
II	Tất toán công trình đã quyết toán (nguồn Thu tiền SDD)			1.591	1.591		1.575	99,0	
1	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân phú	Ban Quản lý các dự án huyện		1.591	1.591	0	1.575	99,0	
III	Danh mục khởi công mới		425.000	112.400	112.400	0	0	0,0	
1	Nguồn Xổ số kiến thiết		25.000	12.400	12.400	0	0	0,0	
-	Xây dựng Trường Mầm non Tân lập	Ban Quản lý các dự án huyện	25.000	12.400	12.400	0	0	0,0	
2	Dự án Đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương		400.000	100.000	100.000	0	0	0,0	
-	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú (Tuyến 3)	Ban Quản lý các dự án huyện	400.000	100.000	100.000	0	0	0,0	

DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 KÉO DÀI SANG 2022

(Kèm theo Báo cáo số 215/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022			Chi Chú		
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2021	Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức		Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2021
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG (A+B)			142.638.000.000	81.884.000.000	21.899.000.000	60.035.000.000	1.876.000.000	32.519.147.066	13.465.788.508	17.333.287.165	1.720.071.393	
A	BỔ TRÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ 2022					1.433.000.000	493.000.000		1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000		Phụ lục 01.B4
B	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021			142.638.000.000	81.884.000.000	20.466.000.000	59.542.000.000	1.876.000.000	30.593.147.066	12.032.788.508	16.840.287.165	1.720.071.393	
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐỘ THỊ LOẠI IV			59.364.000.000	32.464.000.000	10.722.000.000	21.742.000.000	0	18.493.450.365	8.818.410.282	9.675.040.083	0	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			59.364.000.000	32.464.000.000	10.722.000.000	21.742.000.000	0	18.493.450.365	8.818.410.282	9.675.040.083	0	
1	Xây dựng đường Tô 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Đò (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7885006	1.800.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	0	0	1.504.747.153	1.504.747.153	0	0	
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		8.400.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000	0	0	4.520.000.000	4.520.000.000	0	0	
3	Xây dựng đường cấp phối sỏi đỏ Tô 33 (đường Đông Tây 11) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thăng Lợi, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCD huyện		1.800.000.000	1.800.000.000	1.582.000.000	218.000.000	0	1.800.000.000	1.582.000.000	218.000.000	0	
4	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881512	5.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	3.493.916.430	0	3.493.916.430	0	
5	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCD huyện	7893044	4.864.000.000	3.890.000.000	0	3.890.000.000	0	2.450.951.156	0	2.450.951.156	0	
6	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Phú Riêng Đò đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881511	7.500.000.000	7.384.000.000	0	7.384.000.000	0	327.468.671	0	327.468.671	0	
7	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7885007	2.500.000.000	2.250.000.000	0	2.250.000.000	0	1.882.546.714	0	1.882.546.714	0	
8	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881510	24.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	1.302.157.112	0	1.302.157.112	0	
9	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riêng Đò đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7932241	3.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	1.211.663.129	1.211.663.129	0	0	
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐỘ THỊ LOẠI V			11.250.000.000	5.125.000.000	4.125.000.000	1.000.000.000	0	4.185.578.226	3.185.578.226	1.000.000.000	0	
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH			11.250.000.000	5.125.000.000	4.125.000.000	1.000.000.000	0	4.185.578.226	3.185.578.226	1.000.000.000	0	
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT		3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	0	0	1.500.000.000	1.500.000.000	0	0	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	7922679	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0	942.355	942.355	0	0	
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	7922680	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022				Chi Chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2021		Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2021	
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
4	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	7916506	800.000.000	400.000.000	400.000.000	0	0	179.680.389	179.680.389			
5	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT		1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0	500.000.000	500.000.000			
6	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Măng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	7918675	450.000.000	225.000.000	225.000.000	0	0	4.955.482	4.955.482			
7	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT		3.000.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000		
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO			19.400.000.000	17.637.000.000	0	17.637.000.000	0	4.223.748.907	0	4.223.748.907	0	
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			10.900.000.000	9.360.000.000	0	9.360.000.000	0	1.241.561.270	0	1.241.561.270	0	0
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	7885005	9.500.000.000	8.021.000.000	0	8.021.000.000	0	599.000.000	0	599.000.000		
2	San lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7881509	1.400.000.000	1.339.000.000	0	1.339.000.000	0	642.561.270	0	642.561.270		
III.2	LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG			8.500.000.000	8.277.000.000	0	8.277.000.000	0	2.982.187.637	0	2.982.187.637	0	
1	Xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	Công an huyện	7898431	6.700.000.000	6.477.000.000	0	6.477.000.000	0	2.958.032.060		2.958.032.060		
3	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 6, ấp 7, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	7891140	1.800.000.000	1.800.000.000	0	1.800.000.000	0	24.155.577		24.155.577		
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018			37.700.000.000	21.146.000.000	5.619.000.000	15.527.000.000	0	156.664.896	28.800.000	127.864.896	0	
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC			34.200.000.000	17.676.000.000	2.149.000.000	15.527.000.000	0	148.864.896	21.000.000	127.864.896	0	0
1	Xây dựng 08 phòng học và 02 phòng chức năng điểm Thạch Măng Trường TH và THCS Tân Lợi, xã Tân Lợi	Ban QLCD huyện	7881515	6.300.000.000	6.293.000.000	1.253.000.000	5.040.000.000	0	72.000.000	0	72.000.000		
2	Xây dựng 02 phòng học điểm Nam Đò, Trường TH&THCS Tân Phước	Ban QLCD huyện	7880013	1.100.000.000	1.098.000.000	108.000.000	990.000.000	0	4.300.000	0	4.300.000		
3	Xây dựng 04 phòng học điểm ấp 6 Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	7880017	2.600.000.000	2.520.000.000	180.000.000	2.340.000.000	0	12.374.967	0	12.374.967		
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Phú	Ban QLCD huyện	7880016	4.100.000.000	4.058.000.000	368.000.000	3.690.000.000	0	22.289.929	21.000.000	1.289.929		
5	Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH và THCS Thuận Lợi, xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	7881513	5.300.000.000	400.000.000	240.000.000	160.000.000	0	13.900.000	0	13.900.000		
6	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	7922501	14.800.000.000	3.307.000.000	0	3.307.000.000	0	24.000.000	0	24.000.000	0	
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			3.500.000.000	3.470.000.000	3.470.000.000	0	0	7.800.000	7.800.000	0	0	
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng Kt và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KH-CN huyện)	7887284	3.500.000.000	3.470.000.000	3.470.000.000	0	0	7.800.000	7.800.000	0	0	
V	DANH MỤC ĐƯỜNG BTXM THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ			14.924.000.000	5.512.000.000	0	3.636.000.000	1.876.000.000	3.533.704.672		1.813.633.279	1.720.071.393	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 7 ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7927111	1.305.000.000	806.000.000	0	806.000.000		388.408.110		388.408.110		
2	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7928518	957.000.000	804.000.000		709.000.000	95.000.000	497.765.533		402.765.533	95.000.000	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022			Chi Chú		
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021	Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức		Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
3	Xây dựng đường BTXM tổ 4 nhà ông Châu đến nhà ông Ngọ ấp Tân Phú	UBND xã Thuận Phú	7923929	1.105.000.000	691.000.000		691.000.000		55.963.978		55.963.978		
4	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ Nhà ông Bách đến nhà ông Thủy ấp Đồng Búa	UBND xã Thuận Phú	7918614	566.000.000	476.000.000		476.000.000		203.495.658		203.495.658		
5	Xây dựng đường BTXM Đội 3 ấp Suối Bình	UBND xã Đồng Tiến	7940569	436.000.000	367.000.000		0	367.000.000	227.208.443		0	227.208.443	
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hồ ấp Đồng Bia	UBND xã Tân Lợi	7928502	1.484.000.000	237.000.000		230.000.000	7.000.000	237.000.000		230.000.000	7.000.000	
7	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Bia	UBND xã Tân Lợi	7928503	392.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000		12.000.000		
8	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà ông Đạt ấp Đồng Bia	UBND xã Tân Lợi	7928501	1.745.000.000	54.000.000		54.000.000		54.000.000		54.000.000		
9	Xây dựng đường từ nhà ông Phạm Xuân Đông đi nhà ông Hoàng Trung Đông nấp Suối Đồi	UBND xã Tân Hưng		349.000.000	203.000.000		0	203.000.000	203.000.000		0	203.000.000	
10	Xây dựng đường BTXM đội 2 đi đội 5 ấp Suối Đồi	UBND xã Tân Hưng	7903634	87.000.000	51.000.000		0	51.000.000	51.000.000		0	51.000.000	
11	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đội 3, ấp Suối Nhung	UBND xã Tân Hưng		1.570.000.000	53.000.000		53.000.000		53.000.000		53.000.000		
12	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mưu ấp Cây Cây	UBND xã Tân Hưng	7914305	566.000.000	18.000.000		18.000.000		18.000.000		18.000.000		
13	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Viết Thanh ấp Suối Nhung	UBND xã Tân Hưng	7914307	1.568.000.000	51.000.000		51.000.000		51.000.000		51.000.000		
14	Xây dựng đường BTXM tổ 44 ấp 4	UBND xã Tân Lập		244.000.000	152.000.000		0	152.000.000	152.000.000		0	152.000.000	
15	Xây dựng đường BTXM tổ 32 ấp 8	UBND xã Tân Lập		1.216.000.000	704.000.000		0	704.000.000	704.000.000		0	704.000.000	
16	Xây dựng đường BTXM tổ 22 ấp 5	UBND xã Tân Lập		410.000.000	254.000.000		0	254.000.000	254.000.000		0	254.000.000	
17	Xây dựng đường BTXM tổ 26A ấp 7	UBND xã Tân Lập		550.000.000	345.000.000		345.000.000		345.000.000		345.000.000		
18	Xây dựng đường BTXM tổ 30 ấp 8	UBND xã Tân Lập	7927498	374.000.000	234.000.000		191.000.000	43.000.000	26.862.950		0	26.862.950	
C	Kế hoạch vốn tính quản lý			130.000.000.000	0	0	5.000.000.000	0	0	0	1.368.000.000	0	
	Xây dựng đường giao thông từ DT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	Ban QLCDA huyện		130.000.000.000			5.000.000.000				1.368.000.000		NQ 03/NQ-HĐND tỉnh

BẢNG PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 25 /BC-UBND ngày 06 /7 /2022 của UBND huyện)

Đvt: đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
	TỔNG CỘNG			189.677.000.000	1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000	
	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022			189.677.000.000	1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000	
I	Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện			6.000.000.000	60.000.000	60.000.000	0	
1	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCD huyện		6.000.000.000	60.000.000	60.000.000	0	
II	Đầu tư TT Tân Phú lên đô thị loại IV; xã Tân lập, lên đô thị loại V			22.200.000.000	380.000.000	380.000.000	0	
	Lĩnh vực giao thông			22.200.000.000	380.000.000	380.000.000	0	
1	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCD huyện		6.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
2	Xây dựng đường Tô 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		2.200.000.000	40.000.000	40.000.000	0	
3	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCD huyện		5.500.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
4	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		3.500.000.000	60.000.000	60.000.000	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
5	Xây dựng chính trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	Ban QLCD huyện		5.000.000.000	80.000.000	80.000.000	0	
III	Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			130.777.000.000	1.226.000.000	993.000.000	233.000.000	
a	Lĩnh vực giao thông			122.827.000.000	1.126.000.000	993.000.000	133.000.000	
1	Xây dựng đường DH Thuận Phú - Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện		23.500.000.000	150.000.000	150.000.000	0	
2	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCD huyện		800.000.000	30.000.000	30.000.000	0	
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện		1.200.000.000	30.000.000	30.000.000	0	
4	Nâng cấp, mở rộng đường nội từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	7946625	6.200.000.000	80.000.000	80.000.000	0	
5	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện		3.000.000.000	40.000.000	40.000.000	0	
6	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, xã Tân Phước	Ban QLCD huyện		17.000.000.000	150.000.000	150.000.000	0	
7	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCD huyện		11.800.000.000	120.000.000	120.000.000	0	
8	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đồi xã Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt xã Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	Ban QLCD huyện		2.727.000.000	30.000.000	30.000.000	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
9	Xây dựng đường từ DT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12)	Ban QLCDA huyện		10.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
10	Xây dựng đường từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện		10.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
11	Xây dựng đường từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện		15.000.000.000	154.000.000	154.000.000	0	
12	Xây dựng đường từ ĐT753 ấp Suối Da đến ấp 5 xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện		21.600.000.000	142.000.000	9.000.000	133.000.000	
b	Lĩnh dân dụng			7.950.000.000	100.000.000	0	100.000.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Thuận Phú 2 và Nhà văn hóa ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		2.500.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Xây dựng nhà làm việc một cửa xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		2.500.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
3	Xây dựng chính trang khuôn viên khu Tượng đài Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		1.000.000.000	20.000.000	0	20.000.000	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	7947059	1.950.000.000	20.000.000	0	20.000.000	
IV	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			22.400.000.000	190.000.000	0	190.000.000	
a	Lĩnh dân dụng			18.600.000.000	160.000.000	0	160.000.000	
1	Xây dựng 02 phòng học, nhà bếp Trường MN Thuận Lợi (điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	7947054	2.000.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Xây dựng 02 phòng học điểm ấp 4 Trường MN Đồng Tiến (Điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	7947053	2.000.000.000	30.000.000	0	30.000.000	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
3	Xây dựng 06 phòng chức năng trường MN Tân Tiến	Ban QLCD huyện	7947055	6.800.000.000	50.000.000	0	50.000.000	
4	Xây dựng 06 phòng học chức năng, nhà bếp nhà kho Trường MN Thuận Phú	Ban QLCD huyện	7947056	7.800.000.000	50.000.000	0	50.000.000	
b	Lĩnh vực khoa học công nghệ			3.800.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các trường: TH Tân Phú, TH Tân Lập, TH và THCS Tân Hưng, TH và THCS Thuận Lợi và Phòng tin học TH và THCS Tân Phước)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7947806	3.800.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch			8.300.000.000	70.000.000	0	70.000.000	
1	Lát gạch vỉa hè các tuyến đường khu TTTM huyện	Ban QLCD huyện	7946626	3.300.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Cắm mốc theo quy hoạch đã được duyệt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		5.000.000.000	40.000.000	0	40.000.000	

T. BÌNH PHƯỚC